TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/ST-HNGĐ
Ngày: 22-4-2019
V/v: *tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **P Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Mạnh Đạt**

2. *Bà* **Hoàng Thị Xuân Hường**

- Thư ký phiên tòa: *Bà* **Nguyễn Thu Hương**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà: Bà* **Nguyễn Thị Tố Lan**-Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/**2019**/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *75/2019*/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm *2019* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn TP, sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 112-A8b, phường TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Phòng 208-A8b, phường TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Phùng XT, sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 112-A8b, phường TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Phòng 208-A8b, phường TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, chị Nguyễn TP có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Phùng XT.

Về con: có 03 con chung là: Phùng PN(nữ), sinh ngày 25.07.2003; Phùng KL, sinh ngày 19.6.2011 và Phùng PL (nữ) sinh ngày 19.6.2011.

Chị P có nguyện vọng nuôi con chung. Nếu các con chung có nguyện vọng ở với bố và anh T đồng ý, chị P cũng đồng ý.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị P tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thống nhất nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn TP và anh Phùng XT đăng ký kết hôn ngày 25.3.2003 tại UBND xã YL, huyện YY, tỉnh NĐ. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu. Khoảng đầu năm 2016, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái, lối sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên to tiếng. Cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P làm đơn xin ly hôn với anh T. Anh T không muốn ly hôn nhưng nếu chị P kiên quyết xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con: có 03 con chung là: Phùng PN (nữ), sinh ngày 25.07.2003; Phùng KL, sinh ngày 19.6.2011 và Phùng PL (nữ) sinh ngày 19.6.2011.

Hai bên có nguyện vọng nuôi con chung. Nếu các con chung có nguyện vọng ở với bố và anh T đồng ý, chị P cũng đồng ý. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nếu được giao nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của 02 con.

3- Giấy xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng.

4- Bản sao sổ hộ khẩu.

Tại phiên tòa hôm nay,

Anh Phùng XT có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công tác.

Chị Nguyễn TP vẫn giữ yêu cầu kiên quyết xin ly hôn với anh Phùng XT; đồng ý giao cả 3 con chung cho anh Phùng XT trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho anh Phùng XT 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5.2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nhà ở, tài sản, vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận TX, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn TP và anh Phùng XT; Về nuôi con chung: Giao 03 con chung: Phùng PN(nữ), sinh ngày 25.07.2003; Phùng KL, sinh ngày 19.6.2011 và Phùng PL (nữ) sinh ngày 19.6.2011 cho anh Phừng XT trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn TP cấp dưỡng nuôi con cho anh Phùng XT 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5.2019 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; Về chia tài sản: chị Nguyễn TP và anh Phùng XT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng XT là bị đơn trong vụ án không muốn ly hôn nhưng chị P kiên quyết xin ly hôn, anh đồng ý. Cả anh Phùng XT, chị Nguyễn TP đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án xét xử nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Anh T xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn TP và anh Phùng XT kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Chị P yêu cầu ly hôn, Tòa án đã hòa giải nhưng không thành, chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn. Lý do chị P

đưa ra là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T mải chơi, có quan hệ tình cảm ngoài luồng và ít quan tâm đến gia đình. Từ năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, thường xảy ra to tiếng, không còn tôn trọng nhau. Anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không muốn ly hôn vì sợ con khổ nhưng nếu chị P kiên quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng anh T, chị P theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 bị vi phạm nghiêm trọng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành do chị P kiên quyết xin ly hôn. Cuộc sống hôn nhân của anh T, chị P thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức nên việc Tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn TP và anh Phùng XT có 03 con chung.

Phùng PN(nữ), sinh ngày 25.07.2003; Phùng KL, sinh ngày 19.6.2011 và Phùng PL (nữ) sinh ngày 19.6.2011.

Cả anh T và chị P đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc cả hai bên có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng, phù hợp với đạo lý và pháp luật.

Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn ngoài việc xét điều kiện nuôi dưỡng của hai bên vợ chồng, cần xét đến nguyện vọng chính đáng của con. Tòa án đã có văn bản trao đổi với chính quyền địa P nơi anh T chị P cư trú, thể hiện: cả anh T và chị P đều không thuộc trường hợp hạn chế giao nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị P trình bày: cả anh T và chị đều có công việc, thu nhập ổn định. Thu nhập của chị khoảng 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Thu nhập của anh T khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng. Các con của anh T và chị P đều có nguyện vọng ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Chị P đồng ý giao cả 3 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cả 3 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P cấp dưỡng nuôi con cho anh T 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5.2019 đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh T và chị P vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy

định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Anh Phùng XT và chị Nguyễn TP không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn TP phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn TP và anh Phùng XT.

2- Về nuôi con chung:

2.1. Giao 03 con chung: Phùng PN(nữ), sinh ngày 25.07.2003; Phùng KL, sinh ngày 19.6.2011 và Phùng PL (nữ) sinh ngày 19.6.2011 cho anh Phùng XT trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn TP cấp dưỡng nuôi con cho anh Phùng XT 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5.2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

2.3. Chị Nguyễn TP được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về chia tài sản: chị Nguyễn TP và anh Phùng XT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4- Về án phí: Chị Nguyễn TP phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thu đã nộp theo biên lai số 000055779 ngày 12.3.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận TX, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- Thi hành án dân sự quận TX;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

P Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN	HỘI THẨM NHÂN DÂN

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)